

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 15-11-2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lâm Thị Loan Em.

- Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXX-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1989. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số XX đường P, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1983. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp R, thị trấn L, huyện TH, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2021 nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thành N cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, bà và ông N không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Bà M yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một người con chung tên Nguyễn Gia Y, sinh ngày 31/8/2009, con đang do bà M nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2021 của ông Nguyễn Thành N trình bày:

Năm 2008 ông và bà M kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thuyên xuyên cãi vã và không còn sống chung cách nay khoảng 3 năm. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của bà N ông đồng ý, về con chung ông N thống nhất như bà M trình bày vợ chồng có một con chung, đồng ý giao con cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung không có, nợ chung không có.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, giao con cho nguyên đơn nuôi và buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Toà án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ với nguyên đơn, bị đơn, đây là phiên tòa lần thứ nhất nhưng nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết M, ông Nguyễn Thành N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M, ông Nguyễn Thành N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đều thừa nhận tình trạng hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau thời gian đã lâu, qua kết lấy khai, xác minh cũng cho thấy các bên đương sự đều thận thấy không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà M và ông N có 01 người con chung tên Nguyễn Gia Y, sinh ngày 31/8/2009, hiện con đang sống chung với bà M. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Y còn nhỏ, đã sống ổn định với bà M và các đương sự thống nhất giao

cháu Y cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà M có yêu cầu cấp dưỡng và không nêu rõ mức cấp dưỡng cụ thể, phía ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy ông N làm thuê, thu nhập cũng không ổn định, do vậy cần chấp nhận mức cấp dưỡng theo ý kiến của ông N là 1.500.000 đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày không có nợ chung, không có tài sản chung, không có ai có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết M là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân 300.000 đồng, ông Nguyễn Thành N phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Y, sinh ngày 31/8/2009 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Thành N phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 15/11/2021.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008411 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, bà M đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Thành N phải nộp án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng